

Bản án số:29/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 7 năm 2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2020/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1985; Địa chỉ: 48 B, phường Đ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Phan Công T**, sinh năm 1978; Địa chỉ: 09 L, phường A, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phan Công T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà cha mẹ chồng tại địa chỉ 09 L, phường A, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trong cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông T thường xuyên đánh đập và đuổi tôi ra khỏi nhà. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Từ tháng 10 năm 2019, tôi đã bỏ nhà đi, từ đó

đến nay tôi và ông T đã sống ly thân. Nay tôi xác định tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Tôi xác định tôi và ông Phan Công T có 03 con chung tên Phan Nguyễn Ánh D, sinh ngày 20/8/2007; Phan Nguyễn Ánh D1, sinh ngày 26/7/2009 và Phan Tấn Bảo L, sinh ngày 26/10/2017. Hiện nay, 02 con chung Phan Nguyễn Ánh D, sinh ngày 20/8/2007 và Phan Nguyễn Ánh D1, sinh ngày 26/7/2009 đang ở cùng ông T; con chung Phan Tấn Bảo L, sinh ngày 26/10/2017 đang do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Tấn Bảo L, sinh ngày 26/10/2017 và giao con chung Phan Nguyễn Ánh D, sinh ngày 20/8/2007 và Phan Nguyễn Ánh D1, sinh ngày 26/7/2009 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật. Đối với bị đơn, kể từ thời điểm thụ lý đến thời điểm trước khi mở phiên tòa đã không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Phan Công T; giao con chung Phan Tấn Bảo L, sinh ngày 26/10/2017 cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Phan Nguyễn Ánh D, sinh ngày 20/8/2007 và Phan Nguyễn Ánh D1, sinh ngày 26/7/2009 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Phan Công T đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Theo nguyên đơn trình bày thì bà và ông Phan Công T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Ông T thường xuyên đánh đập và đuổi bà G ra khỏi nhà, từ tháng 10 năm 2019 bà G đã không còn chung sống cùng ông T. Nay bà G xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Cuộc hôn nhân của bà Nguyễn Thị G và ông Phan Công T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đến nay, bà G cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài và không còn tình cảm với ông T nữa nên có quyền làm đơn khởi kiện xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử ông Phan Công T đều không có mặt theo triệu tập; thông báo của Tòa án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia các phiên hoà giải và cũng không tham gia phiên tòa nên không có ý kiến lưu hồ sơ vụ án. Qua đó, thể hiện ông T đã không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, vợ chồng bà G và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, có đánh đập nhau, hiện nay bà G không còn chung sống với ông T tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; có kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả nên cần áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị G là hợp tình hợp lý.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị G trình bày vợ chồng có 03 con chung tên Phan Nguyễn Ánh D, sinh ngày 20/8/2007; Phan Nguyễn Ánh D1, sinh ngày 26/7/2009 và Phan Tấn Bảo L, sinh ngày 26/10/2017. Ly hôn, bà G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Tấn Bảo L, sinh ngày 26/10/2017 và giao con chung Phan Nguyễn Ánh D, sinh ngày 20/8/2007 và Phan Nguyễn Ánh D1, sinh ngày 26/7/2009 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Ông Phan Công T không tham gia tố tụng nên không có ý kiến về vấn đề này. Xét nguyện vọng của bà G thì thấy, bà G và ông T có 03 con chung nên cần phân chia trách nhiệm nuôi dưỡng con để đảm bảo cuộc sống của con trẻ. Hiện nay 02 con chung Phan Nguyễn Ánh D và Phan Nguyễn Ánh D1 đang ở với ông T, con chung Phan Tấn Bảo L đang ở cùng bà G; đồng thời Tòa án đã tiến hành lấy lời khai tham khảo ý kiến của 2 cháu Dương và Duyên theo quy định pháp luật, cả hai cháu đều mong muốn ở với ba là ông Phan Công T. Do vậy, nguyện vọng giao con chung Phan Nguyễn Ánh D, sinh ngày 20/8/2007 và Phan Nguyễn Ánh D1, sinh

ngày 26/7/2009 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà G trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Tấn Bảo L, sinh ngày 26/10/2017; không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị G trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo luật định.

[7] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" của bà Nguyễn Thị G đối với ông Phan Công T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Phan Công T.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 81, quyển số 01, ngày 15 tháng 5 năm 2006 của UBND phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng)

2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị G và ông Phan Công T có 03 con chung tên Phan Nguyễn Ánh D, sinh ngày 20/8/2007; Phan Nguyễn Ánh D1, sinh ngày 26/7/2009 và Phan Tấn Bảo L, sinh ngày 26/10/2017.

Giao con chung Phan Nguyễn Ánh D, sinh ngày 20/8/2007 và Phan Nguyễn Ánh D1, sinh ngày 26/7/2009 cho ông Phan Công T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Phan Tấn Bảo L, sinh ngày 26/10/2017 cho bà Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001543 ngày 09/12/2019.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Hà